

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 26/4/2022
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thắng và ông Lê Quang Minh Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số 14/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng Đ; địa chỉ trụ sở: Số 64 đường N, Phường X, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn Th; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị (*Giấy ủy quyền ngày 01/10/2021*) - Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần V; địa chỉ trụ sở: Số 242 đường Q, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi H - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Bá Đ - Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư Công ty cổ phần V (*Giấy ủy quyền ngày 19/01/2022*) - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng Đ trình bày:

Trong năm 2017, 2018, 2019 giữa Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng Đ (*Viết tắt là Công ty Đ*) và Công ty cổ phần V (*Viết tắt là Công ty V*) hai bên

đã ký kết các hợp đồng gồm: Hợp đồng mua bán hàng hóa số 36/HĐMB-CHXDDP/2017 ngày 10/7/2017; Hợp đồng mua bán xăng dầu số 04/HĐMB-CHXDDP/2018 ngày 01/02/2018 và Hợp đồng mua bán xăng dầu số 04/HĐMB-CHXDDP/2019 ngày 01/02/2019. Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã cung cấp đầy đủ xăng dầu cho Công ty V theo đúng thỏa thuận. Nhưng Công ty V đã thanh toán một phần nghĩa vụ, còn nợ lại 581.387.776 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 01/10/2021.

Khoản nợ trên Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng đến nay Công ty V vẫn chưa thanh toán nợ tiền hàng đầy đủ cho Công ty Đ. Vì vậy, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần V phải trả nợ tiền hàng cho Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng Đ với tổng số tiền 709.874.474 đồng (*Bảy trăm lẻ chín triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng*), trong đó: Nợ tiền hàng 581.387.776 đồng và 128.486.698 đồng tiền nợ lãi (*Lãi suất tính từ 06/6/2019 đến 06/4/2022 là 34 tháng, với mức lãi suất 0,65%/tháng*).

2. Tại biên bản hòa giải ngày 21/01/2022, Công ty cổ phần V trình bày:

Công ty V thừa nhận trong các năm 2017, 2018, 2019 đã ký với Công ty Đ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 36/HĐMB-CHXDDP/2017 ngày 10/7/2017; Hợp đồng mua bán xăng dầu số 04/HĐMB-CHXDDP/2018 ngày 01/02/2018 và Hợp đồng mua bán xăng dầu số 04/HĐMB-CHXDDP/2019 ngày 01/02/2019. Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã cung cấp đầy đủ xăng dầu cho Công ty V theo đúng thỏa thuận. Công ty V đã thanh toán một phần nghĩa vụ, còn nợ lại 581.387.776 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 01/5/2019. Nay Công ty V có nguyện vọng được thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Công ty Đ chậm nhất đến ngày 30/6/2022.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, 352 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng Đ, buộc bị đơn Công ty cổ phần V phải thanh toán khoản nợ tiền hàng còn thiếu là 581.387.776 đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền chậm trả từ ngày 06/6/2019 đến ngày 06/4/2022 theo mức lãi suất 0,65%/tháng tương ứng với số tiền 128.486.698 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó

Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ phát luật tranh chấp: Giữa Công ty Đ và Công ty V hai bên đã ký các Hợp đồng mua bán hàng hóa và mua bán xăng dầu. Quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty V không thanh toán đầy đủ tiền hàng mua xăng dầu cho Công ty Đ, dẫn đến vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải có nghĩa vụ trả nợ tiền hàng mua xăng dầu. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa Công ty Đ và Công ty V là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản nợ tiền hàng với tổng số tiền 709.874.474; trong đó: Nợ tiền hàng 581.387.776 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,65%/tháng, tính từ 06/6/2019 đến 06/4/2022 với số tiền 128.486.698 đồng, xét thấy:

Trong năm 2017, 2018, 2019 giữa Bên A: Công ty Đ và Bên B: Công ty cổ phần V hai bên đã ký kết các hợp đồng gồm: Hợp đồng mua bán hàng hóa số 36/HĐMB-CHXDDP/2017 ngày 10/7/2017; Hợp đồng mua bán xăng dầu số 04/HĐMB-CHXDDP/2018 ngày 01/02/2018 và Hợp đồng mua bán xăng dầu số 04/HĐMB-CHXDDP/2019 ngày 01/02/2019. Với các nội dung:

- Về chủ loại, số lượng, chất lượng hàng hóa: Bên A bán cho bên B gồm các mặt hàng: Xăng các loại và Dầu Diesel 0,05S, số lượng tùy theo nhu cầu của bên B, chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn của Việt Nam hiện hành.

- Về giá cả, địa điểm giao nhận và phương thức thanh toán: Theo thỏa thuận của hai bên tại thời điểm được thể hiện trên hóa đơn tài chính và thông báo giá do bên A xuất cho bên B. Việc thanh toán được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Bên A đồng ý cho bên B dư nợ số tiền tối đa là 200.000.000 đồng tiền hàng hóa phát sinh định kỳ theo từng đợt nhận hàng. Đến ngày 30 hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và bên B phải thanh toán hết công nợ cho bên A chậm nhất vào ngày 05 tháng sau.

- Về trách nhiệm của hai bên: Bên A đảm bảo nguồn hàng liên tục, cung cấp kịp thời đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng, số lượng theo tiêu chuẩn xăng dầu Việt Nam. Bên B kiểm tra số lượng hàng hóa thực tế trên cột đo nhiên liệu và ký vào sổ mua hàng của bên A và thanh toán tiền hàng đúng thỏa thuận.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã cung cấp đầy đủ xăng, dầu cho Công ty V theo đúng yêu cầu, thỏa thuận tại các hợp đồng và hai bên đã thống nhất nhiều lần tiến hành đối chiếu công nợ, xác nhận lại khoản nợ tiền mua xăng dầu. Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty Đ và công ty V lập ngày 01/5/2019 cho thấy: Tính đến ngày 01/5/2019 công ty V còn nợ tiền hàng mua nhiên liệu của công ty Đ với tổng số tiền 581.387.776 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty Đ đã nhiều

lần yêu cầu Công ty V trả nợ nhưng công ty V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng nội dung mà các bên đã cam kết trong hợp đồng. Vì vậy, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải thanh toán đầy đủ khoản nợ tiền hàng cho Công ty Đ với số tiền 581.387.776 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/5/2019 là có căn cứ cần chấp nhận.

Theo Điều 306 Luật thương mại quy định: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ các văn bản thông báo về việc áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn tại thời điểm xét xử do Ngân hàng cung cấp và trên công thông tin điện tử của các ngân hàng cho thấy: Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử cao hơn so với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức lãi suất chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn là 0,65/tháng theo hướng có lợi cho bị đơn để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn.

Như vậy, kể từ ngày 01/5/2019 hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ thì đến ngày 06/6/2019, bị đơn Công ty V phải có nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho nguyên đơn Công ty Đ theo thỏa thuận tại hợp đồng, nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền hàng đúng thỏa thuận, vi phạm hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả kể từ ngày 06/6/2019 đến ngày 06/4/2022 là 34 tháng với mức lãi suất 0,65%/tháng, tương ứng với số tiền 128.486.698 đồng ($581.387.776 \text{ đồng} \times 0,65\%/\text{tháng} \times 34 \text{ tháng} = 128.486.698 \text{ đồng}$) là có căn cứ cần chấp nhận buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn.

[5]. Về án phí:

Nguyên đơn Công ty Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty V phải trả nợ tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền 709.874.474 đồng được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 32.394.976 đồng $\{20.000.000 \text{ đồng} + (709.874.474 - 400.000.000 \text{ đồng} + 4\% = 12.394.976 \text{ đồng})\}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, 352; Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng Đ, buộc bị đơn Công ty cổ phần V phải trả nợ tiền hàng cho nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng Đ với tổng số tiền 709.874.474 đồng (Bảy trăm lẻ chín triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm

bảy mươi bốn đồng); trong đó nợ tiền hàng 581.387.776 đồng; nợ tiền lãi chậm trả 128.486.698 đồng.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn Công ty cổ phần V phải chịu 32.394.976 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

- Nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng Đ không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng Đ số tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp là 15.819.587 đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm mười chín nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: CC/2021/0000061 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, DA.

Tạ Minh Khôi